TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-02-2023
V/v tranh chấp: "*Yêu cầu ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.
2. Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị B Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp: "*Yêu cầu ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-ST ngày 10/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Tổ 33, thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
Bị đơn: Ông Lê Quang B, sinh năm 1992.
Địa chỉ: Tổ 03, ấp V, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
(Bà T, ông B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Toà án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lê Quang B qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, lối sống của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong mọi việc, từ việc làm ăn đến chuyện gia đình cũng như các mối quan hệ xã hội, thường xuyên cãi vã nhau, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ông B không

lo làm ăn để phụ giúp kinh tế gia đình. Bà T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông B không chịu thay đổi. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Nay bà T cảm thấy không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang B.

Về con chung: Bà T và ông B có 01 người con chung là cháu Lê Phú Th, sinh ngày 17/4/2020. Trong đơn khởi kiện, bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Tuy nhiên trong quá trình làm việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Quang B trình bày:

Theo biên bản lấy lời khai ông B trình bày: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lê Quang B qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, lối sống của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong mọi việc. Bà T muốn vợ chồng về sống với cha mẹ ruột của bà T nhưng ông B không đồng ý. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 6 năm 2021 cho đến nay. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang B thì ông B là người theo đạo, ông B không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà T và ông B có 01 người con chung là cháu Lê Phú Th, sinh ngày 17/4/2020. Trong đơn khởi kiện, bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng. Tuy nhiên trong quá trình làm việc bà T tự nguyện không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung thì ông B đồng ý như nguyện vọng của bà T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lê Quang B qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do tính cách, lối sống của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong mọi việc, từ việc làm ăn đến chuyện gia đình cũng như các mối quan hệ xã hội, thường xuyên cãi vã nhau, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ông B không lo làm ăn để phụ giúp kinh tế gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Ông B cho rằng bà T muốn vợ chồng về sống với cha mẹ ruột của bà T nhưng ông B không đồng ý. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang B thì ông B là người theo đạo, ông B không đồng ý ly hôn. Như vậy cần xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về con chung: Bà T và

ông B có 01 người con chung là cháu Lê Phú Th, sinh ngày 17/4/2020. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung thì ông B đồng ý như nguyện vọng của bà T nên xử chấp nhận yêu cầu này của bà T. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông B có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lê Quang B qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà T yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Lê Quang B là thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bà T, ông B xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà T, ông B là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lê Quang B qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/01/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngãi Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà T là do tính cách, lối sống của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong mọi việc, từ việc làm ăn đến chuyện gia đình cũng như các mối quan hệ xã hội, thường xuyên cãi vã nhau, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Ông B không lo làm ăn để phụ giúp kinh tế gia đình. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên đã ly thân với nhau từ khoảng tháng 7 năm 2021 cho đến nay. Ông B cho rằng bà T muốn vợ chồng về sống với cha mẹ ruột của bà T nhưng ông B không đồng ý. Nay bà T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Quang B thì ông B là người theo đạo, ông B không đồng ý ly hôn. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông B ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Lê Quang B.

[3] *Về con chung*: Bà T và ông B có 01 người con chung là cháu Lê Phú Th, sinh ngày 17/4/2020. Bà T có nguyện vọng trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung thì ông B đồng ý như nguyện vọng của bà T do đó cần xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà T, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông B có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56. 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Lê Quang B.

Về quan hệ con chung: Bà T và ông B có 01 người con chung là cháu Lê Phú Th, sinh ngày 17/4/2020.

Xử cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Phú Th, sinh ngày 17/4/2020.

Bà T không yêu cầu ông B cấp dưỡng để bà T nuôi con chung.

Ông B được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà T, ông B có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Xuân T nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số: 0007882 ngày 20/4/2022, bà T đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/02/2023), đương sự có quyền kháng cáo; đối với bà T, ông B vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- UBND TT. Ngãi Giao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hữu Loan